

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **112 /2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/8/2017.

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 506/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Kim N**, sinh năm: 1961(có mặt).

Địa chỉ: C4/14C Ấp 3, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Hồ Tấn C**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: C4/14C Ấp 3, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 4 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Hồ Tấn C bắt đầu chung sống vào năm 1989 có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyền số 01/89 do Ủy ban nhân dân xã Hành Thuận cấp ngày 10/4/1989. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2000 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau, ông C uống rượu về nhà gây gổ, bạo hành. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà N yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà N và ông C chung sống có 02 (hai) con chung là Hồ Quang Bình, sinh năm 1990 và Hồ Nhật Huy, sinh năm 1991. Tất cả đã trưởng thành và đã sống riêng.

Về tài sản chung: Bà xác nhận bà và ông C đã tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác nhận không có.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Ông Hồ Tấn C trình bày:

Ông và bà Trương Thị Kim N bắt đầu chung sống vào năm 1989, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 1989. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì xảy ra, đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về vấn đề tài chính. Ông C xác nhận đây là những mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng có thể hàn gắn được nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông C chung sống có 02 (hai) con chung là Hồ Quang Bình, sinh năm 1990 và Hồ Nhật Huy, sinh năm 1991. Tất cả đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Ông C và bà N đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C xác nhận không có.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trương Thị Kim N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Tấn C. Ông Hồ Tấn C có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/89 do Ủy ban nhân dân xã Hành Thuận huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 10/4/1989 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Kim N và ông Hồ Tấn C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Kim N xác nhận là đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, cả hai đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc nhau, liên hệ với nhau từ lâu. Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân số 3261/UBND ngày 09/8/2017 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận có nội dung “Cuộc sống hôn nhân của bà N và ông C thường có mâu thuẫn phát sinh, ông C thường xuyên tranh cãi và đôi khi có đánh bà N, cả hai đã tự phân chia tài sản, không còn chung sống với nhau”. Qua đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông C là có mâu thuẫn, cả hai đã không quan tâm chăm sóc nhau từ lâu, thể hiện tình trạng hôn nhân là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N yêu cầu ly hôn với ông C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim N.

Về con chung: Ông C và bà N chung sống có 02 (hai) con chung là Hồ Quang Bình, sinh năm 1990 và Hồ Nhật Huy, sinh năm 1991. Tất cả đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Bà N và ông C đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và ông C cùng xác nhận là không có.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Trương Thị Kim N phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Kim N đối với ông Hồ Tấn C.

Bà Trương Thị Kim N được ly hôn với ông Hồ Tấn C. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Kim N và ông Hồ Tấn C chấm dứt cũng như giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, quyền số 01/89 do Ủy ban nhân dân xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 10/4/1989 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông C và bà N chung sống có 02 (hai) con chung là Hồ Quang Bình, sinh năm 1990 và Hồ Nhật Huy, sinh năm 1991. Tất cả đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Kim N và ông Hồ Tấn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trương Thị Kim N và ông Hồ Tấn C đều xác nhận là không có.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Thúy đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033269 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà N, ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**